

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH AN GIANG

Số: 140 /TB-THADS

An Giang, ngày 14 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc bán đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 261/QĐ-CCTHA ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên;

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ thi hành án số 208/QĐ-CTHA ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 419/QĐ-CCTHA ngày 24/12/2013 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên;

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ thi hành án số 202/QĐ-CTHA ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 496/QĐ-CCTHA ngày 01/03/2013 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên;

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ thi hành án số 203/QĐ-CTHA ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định kê biên số 05/QĐ-CTHADS ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định Thi hành án số 142/QĐ-CCTHA ngày 30/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ số 207/QĐ-CTHA ngày 15/10/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định Thi hành án số 18/QĐ-CCTHA ngày 04/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ số 123/QĐ-CTHA ngày 15/10/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định Thi hành án số 12/QĐ-CCTHA ngày 04/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định rút hồ sơ số 124/QĐ-CTHA ngày 15/10/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 25/QĐ-CTHADS ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chấp hành viên Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

Căn cứ kết quả thẩm định giá tại các chứng thư thẩm định giá số 215 BAG/2022/CT.ĐA ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đông Á; số 131 BAG/2023/CT.ĐA ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đông Á và số 156 TAG/2023/CT.ĐA ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đông Á;

Căn cứ Thông báo bán đấu giá tài sản số 294/TB-TTĐVĐGTS ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang thông báo về việc tổ chức bán đấu giá tài sản như sau:

I. Tên, địa chỉ của tổ chức bán đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Số 01 đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

II. Tên tài sản hoặc danh mục tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:

Tài sản của Võ Minh Khải và Võ Thị Phi Vân, tọa lạc tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

Mục I. Quyền sử dụng đất (theo Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 05/QĐ-CTHADS ngày 18/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang), gồm:

1. Diện tích 16,6m² đất ở tại đô thị, thuộc thửa đất số 73; tờ bản đồ số 4; GCN quyền sử dụng đất số AG 406155, số vào sổ H.01410hA do UBND thành phố Long Xuyên cấp ngày 13/9/2006 cho Võ Thị Phi Vân và Võ Minh Khải.

2. Diện tích 203,2m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 74; tờ bản đồ số 4; GCN quyền sử dụng đất số AG 406156, số vào sổ H.01411hA do UBND thành phố Long Xuyên cấp ngày 13/9/2006 cho Võ Thị Phi Vân và Võ Minh Khải.

Mục II. Quyền sử dụng đất (theo Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 25/QĐ-CTHADS ngày 01/9/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang), gồm:

1. Diện tích 2.036,9m² đất (196,6m² đất T + 1.840,3m² đất LNK), theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 25/3/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên; thuộc các thửa đất số 9, 10; tờ bản đồ số 005; GCN quyền sử dụng đất số 00252 QSDĐ/Ag do UBND tỉnh An Giang cấp ngày 20/3/2000 cho Võ Minh Khải. Diện tích theo Bản trích đo hiện trạng đất T giảm 3,4m²; diện tích đất LNK tăng 22,4m² so với GCN QSDĐ.

2. Diện tích 3.328,1m² đất (200m² đất T + 3.128,1m² đất LNK), theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 25/3/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh

Long Xuyên; thuộc các thửa đất số 26, 27; tờ bản đồ số 005; GCN quyền sử dụng đất số 00381 QSDĐ/Ag do UBND tỉnh An Giang cấp ngày 12/02/2001 cho Võ Minh Khải. Diện tích theo Bản trích đo hiện trạng đất LNK giảm $17,7\text{m}^2$ so với GCN QSDĐ.

3. Diện tích 200m^2 đất ở tại đô thị, thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 4; GCN quyền sử dụng đất số H.04437hA do UBND thành phố Long Xuyên cấp ngày 23/9/2009 cho Võ Thị Phi Vân.

4. Diện tích $2.305,3\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 25/3/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên); thuộc thửa đất số 83; tờ bản đồ số 4; GCN quyền sử dụng đất số H.04438hA do UBND thành phố Long Xuyên cấp ngày 23/9/2009 cho Võ Thị Phi Vân. Diện tích theo Bản trích đo hiện trạng đất giảm $2,3\text{m}^2$ so với GCN QSDĐ.

5. Diện tích 200m^2 đất ở tại đô thị, thuộc thửa đất số 84; tờ bản đồ số 4; GCN quyền sử dụng đất số H.04439hA do UBND thành phố Long Xuyên cấp ngày 23/9/2009 cho Võ Thị Phi Vân.

6. Diện tích $2.136,5\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 25/3/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên); thuộc thửa đất số 85, tờ bản đồ số 4; GCN quyền sử dụng đất số H.04440hA do UBND thành phố Long Xuyên cấp ngày 23/9/2009 cho Võ Thị Phi Vân. Diện tích theo Bản trích đo hiện trạng đất giảm $17,1\text{m}^2$ so với GCN QSDĐ.

Mục III. Tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Khải Hoàn (chưa đủ điều kiện cấp GCN QSH tài sản). Các tài sản có trên toàn bộ QSDĐ kê biên theo các Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 25/QĐ-CTHADS ngày 01/9/2020 và Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 05/QĐ-CTHADS ngày 18/01/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang, được thể hiện trên Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 25/3/2022, cụ thể như sau:

1. Nhà số 1: Có cấu trúc: Nền gạch tàu, khung gạch, vách gạch, sàn lầu BTCT, mái ngói. Tổng diện tích sàn sử dụng = $304,6\text{m}^2$. (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = $152,3\text{m}^2$; diện tích sàn lầu BTCT = $152,3\text{m}^2$).

Vị trí căn nhà có một phần diện tích nằm trên thửa đất số 74, tờ bản đồ số 4 và một phần diện tích sử dụng nằm trên thửa đất số 26, tờ bản đồ số 005, được xác định cụ thể như sau: Diện tích sử dụng nằm trong phạm vi ranh giới của GCN QSDĐ thửa số 74, tờ bản đồ số 4 là $137,4\text{m}^2$; phần diện tích sử dụng nằm trong phạm vi ranh giới GCN QSDĐ của thửa đất số 26, tờ bản đồ số 005 là $9,2\text{m}^2$; phần diện tích sử dụng nằm trên vị trí đất chưa được cấp GCN QSDĐ là $5,7\text{m}^2$.

2. Nhà số 2: Có cấu trúc: Nền gạch tàu, khung gạch, vách gạch, mái ngói. Tổng diện tích sàn sử dụng = $195,8\text{m}^2$. (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = $97,9\text{m}^2$; diện tích sàn BTCT = $97,9\text{m}^2$). Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 26, 27; tờ bản đồ số 005.

3. Nhà số 3: Có cấu trúc: Nền gạch tàu, khung gạch, vách gạch, mái ngói. Tổng diện tích sàn sử dụng = 221,6m². Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 26, 27, tờ bản đồ số 005.

4. Nhà số 4: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn lầu BTCT, mái ngói vẩy cá. Tổng diện tích sàn sử dụng = 89,2m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 44,6m²; diện tích sàn BTCT = 44,6m²). Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 26, 27, tờ bản đồ số 005.

5. Khách sạn: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn lầu 1, lầu 2 BTCT, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 1.382,7m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 460,9m²; diện tích sàn lầu 1, lầu 2 BTCT = 921,8m²). Vị trí khách sạn có một phần nằm trên thửa đất số 26, 27, tờ bản đồ số 005; một phần nằm ngoài phạm vi ranh giới GCN QSDĐ chưa được cấp GCN.

6. Nhà số 5: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn lầu BTCT, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 179,2m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 89,6m²; diện tích sàn BTCT = 89,6m²). Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 4.

7. Nhà kho 1: Có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung sắt tiền chế, vách tole + gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 400,6m². Vị trí nhà kho có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 4.

8. Nhà kho 2: Có cấu trúc: Nền láng bê tông, khung sắt tiền chế, vách tole + gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 7,4m². Vị trí nhà kho nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005.

9. Sân Tennis 1: Có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung sắt tiền chế, vách lưới B40 + gạch, mái tole. Tổng diện tích sử dụng = 755,5m². Vị trí sân Tennis có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 4; một phần nằm ngoài ranh giới GCN QSDĐ.

10. Sân Tennis 2: Có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung sắt tiền chế, vách lưới B40 + gạch, mái tole. Tổng diện tích sử dụng = 598,3m². Vị trí sân Tennis có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 4.

11. Sân Tennis 3: Có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung sắt tiền chế, vách lưới B40 + gạch + tole, mái tole. Tổng diện tích sử dụng = 604m². Vị trí sân Tennis có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 4; một phần nằm ngoài ranh giới GCN QSDĐ.

12. Nhà vệ sinh có cấu trúc: Nền gạch men, khung gạch, vách gạch, mái tole. Tổng diện tích sử dụng = 16,5m². Vị trí nhà vệ sinh có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; một phần nằm ngoài ranh giới GCN QSDĐ.

13. Nhà số 6: Có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung gạch+ khung sắt tiền chế, vách gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 67,8m². Vị trí căn nhà có một

phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; một phần nằm ngoài ranh giới GCN QSDĐ.

14. Nhà số 7: Có cấu trúc: Nền láng xi măng + gạch men, khung BTCT, vách gạch, sàn lầu 1, lầu 2 BTCT, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 139,2m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 46,4m²; diện tích sàn lầu 1, lầu 2 BTCT = 92,8m²). Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 005; một phần diện tích nằm ngoài ranh giới GCN QSDĐ.

15. Nhà số 8: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, sàn lầu BTCT, vách gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 686,4m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 343,2m²; diện tích sàn lầu BTCT = 343,2m²). Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 83, 85; tờ bản đồ số 4; một phần nằm trên thửa đất số 10, tờ bản đồ số 005.

16. Nhà số 9: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, sàn lầu BTCT, vách gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 449m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 224,5m²; diện tích sàn lầu BTCT = 224,5m²). Vị trí căn nhà nằm trên thửa đất số 10, tờ bản đồ số 005.

17. Nhà số 10: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, sàn lầu BTCT, vách gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 297m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 148,5m²; diện tích sàn lầu BTCT = 148,5m²). Vị trí căn nhà nằm trên thửa đất số 10, tờ bản đồ số 005.

18. Nhà số 11: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, sàn lầu 1, lầu 2, BTCT, vách gạch, mái ngói. Tổng diện tích sàn sử dụng = 365,7m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 121,9m²; diện tích sàn lầu 1, lầu 2 BTCT = 243,8m²). Vị trí căn nhà nằm trên thửa đất số 9, tờ bản đồ số 005.

19. Nhà số 12: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, sàn lầu BTCT, vách gạch, mái ngói. Tổng diện tích sàn sử dụng = 177m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 88,5m²; diện tích sàn lầu BTCT = 88,5m²). Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 9, 10; tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 84, tờ bản đồ số 4.

20. Nhà số 13: Có cấu trúc: Nền gạch men, khung gạch, vách gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 22,3m². Vị trí căn nhà nằm trên thửa đất số 9, 10; tờ bản đồ số 005.

21. Nhà số 14 (*Quán Coffe*): Có cấu trúc: Nền gạch tàu, khung gạch, mái ngói. Tổng diện tích sàn sử dụng = 170,9m². Vị trí căn nhà có một phần nằm trên thửa đất số 27; tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 82, 83; tờ bản đồ số 4.

22. Nhà số 15: Có cấu trúc: Nền gạch men + gạch bông, khung BTCT, sàn lầu BTCT, vách gạch, mái tole. Tổng diện tích sàn sử dụng = 87,2m². (Trong đó: Diện tích xây dựng tầng trệt = 43,6m²; diện tích sàn lầu BTCT = 43,6m²). Vị trí căn nhà nằm trên thửa đất số 9, 10; tờ bản đồ số 005.

23. Hồ bơi 1: Có tổng diện tích sử dụng $148,5\text{m}^2$. Vị trí hồ bơi có một phần nằm trên thửa đất số 10; tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 85; tờ bản đồ số 4.
24. Hồ bơi 2: Có tổng diện tích sử dụng $787,4\text{m}^2$. Vị trí hồ bơi có một phần nằm trên thửa đất số 10; tờ bản đồ số 005; phần còn lại nằm trên thửa đất số 85; tờ bản đồ số 4.
25. Đài nước: Có cấu trúc: Xây gạch, ốp đá. Tổng diện tích sử dụng = 15m^2 . Vị trí đài nước nằm trên thửa đất số 82, 85; tờ bản đồ số 4.
26. Mái che nhà xe 1: Có diện tích sử dụng $38,9\text{m}^2$, có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung sắt tiền chế, mái tole.
27. Mái che nhà xe 2: Có diện tích sử dụng 50m^2 , có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung sắt tiền chế, mái tole.
28. Mái che nhà xe 3: Có diện tích sử dụng $18,4\text{m}^2$, có cấu trúc: Nền láng xi măng, khung sắt tiền chế, mái tole.
29. Máy biến áp phân phối 3 pha: Hiệu Thibidi.
30. Cây trồng trên đất không xác định được độ tuổi: Cây cau kiểng 30, dừa 01, cây sộp 05, cây dương 02, cây mận 01, cây hoa hoàng hậu 01, cây xanh 04, cây khế 01, cây chàm 01, cây vừng 01, cây sứ 01, cây cọ kiểng 02.
31. Mái che sân đường: Có tổng diện tích $575,45\text{m}^2$, có cấu trúc: khung sắt tiền chế, mái tole.
32. Cổng chính (trụ xây gạch): Có tổng diện tích $2,16\text{m}^2$, có cấu trúc: xây gạch 600×600 (cm), cao 2,6m.
33. Hàng rào lưới B40: Có tổng diện tích $21,5\text{m}^2$, có cấu trúc: khung sắt, vách lưới B40.
34. Hàng rào (quán bê thui): Có tổng diện tích $46,4\text{m}^2$, có cấu trúc: trụ gạch, tường xây gạch.
35. Hàng rào (quán cà phê): Có tổng diện tích $42,35\text{m}^2$, có cấu trúc: trụ gạch + sắt, vách xây gạch, có mái che cổng bằng khung sắt, lợp ngói.
36. Cổng trước nhà: Có tổng diện tích $24,15\text{m}^2$, có cấu trúc: trụ bê tông + sắt.
37. Hệ thống xử lý nước thải: Có số lượng 227m, có cấu trúc: cổng bê tông ly tâm, đường kính 0,6m được bọc bởi gạch xây.
38. Hệ thống dây cáp điện: Có số lượng 227m, có cấu trúc: loại dây điện 3 pha.
39. Tường rào xây kiên cố: Có tổng diện tích $1.196,15\text{m}^2$, có cấu trúc: khung BTCT, vách xây gạch.
40. Hệ thống giếng khoan cấp nước hồ bơi: Số lượng 01, có cấu trúc: lắp đặt ống PVC Bình Minh, đường kính 90mm.
41. Hàng rào hồ bơi: Có tổng diện tích $187,5\text{m}^2$, có cấu trúc: khung sắt, xây gạch ốp đá, vách lưới.
42. Phần sân bê tông – nhựa: Có tổng diện tích $2.769,9\text{m}^2$.

Tài sản bán đấu giá tọa lạc tại số 26/2, Quốc Lộ 91, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tài sản là công trình xây dựng có nhiều hạng mục xuống cấp, không có giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu.

III. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

Trong giờ hành chính ngày 04 và 05/01/2024 tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang và nơi tài sản tọa lạc (phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang).

IV. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá:

Tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang trong giờ hành chính từ ngày niêm yết việc đấu giá đến trước **17 giờ 00 ngày 08/01/2024**

V. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

Giá khởi điểm: **105.700.253.375 đồng** (Một trăm lẻ năm tỷ, bảy trăm triệu, hai trăm năm mươi ba ngàn, ba trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó:

- Giá khởi điểm của tài sản tại mục I: 1.647.887.582 đồng.
- Giá khởi điểm của tài sản tại mục II: 81.508.743.258 đồng.
- Giá khởi điểm của tài sản tại mục III: 22.543.622.535 đồng.

VI. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước:

- Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: Theo Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, cụ thể: **500.000 đồng/hồ sơ**.
- Tiền đặt trước do người tham gia đấu giá nộp bằng 15% giá khởi điểm của tài sản đấu giá, cụ thể (làm tròn): **15.855.000.000 đồng**.

VII. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

Tổ chức, cá nhân mua và nộp đủ hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang, địa chỉ: số 01 đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, trong giờ hành chính theo quy định sau:

- Nộp đủ hồ sơ tham gia đấu giá từ ngày niêm yết việc đấu giá đến **17 giờ 00 ngày 08/01/2024**.

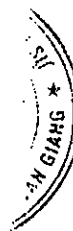
- Nộp tiền đặt trước trong thời hạn 03 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá (trừ trường hợp Trung tâm và người tham gia đấu giá có thỏa thuận khác).

IX. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá;

- Thời gian tổ chức cuộc đấu giá: Bắt đầu lúc 09 giờ 00 phút, ngày 11/01/2024.
- Địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang - số 01 đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

X. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá;

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá.
- Phương thức đấu giá: Trả giá lên



Tổ chức, cá nhân, có nhu cầu mua đấu giá tài sản xin liên hệ và nộp hồ sơ tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang. Địa chỉ: số 01 đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, điện thoại: **0296 3 857 763**.

Trước khi mở cuộc bán đấu giá 01 ngày làm việc, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức bán đấu giá./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Mỹ Thới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Trang thông tin điện tử của Cục THADS;
- Trang TTĐT về Đấu giá TS – Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, HSTHA.



CHẤP HÀNH VIÊN

Phan Trọng Hải